**ĐỀ CƯƠNG**

**Báo cáo thực hiện công tác quản lý nhà nước về thanh niên**

**I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH CHUNG VỀ THANH NIÊN**

Đề nghị các đơn vị nêu ngắn gọn tình hình thanh niên trên địa bàn quản lý

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

**1. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện**

- Kết quả triển khai Luật Thanh niên.

- Triển khai thực hiện công tác quản lý nhà nước về thanh niên của cơ quan, đơn vị và địa phương *(phụ lục I kèm theo).*

- Tham mưu ban hành (ban hành) và triển khai thực hiện các đề án, dự án và các văn bản có liên quan đến thanh niên từ đủ 16 đến 30 tuổi thuộc sở, ngành và địa phương quản lý *(phụ lục I kèm theo)*; đánh giá kết quả thực hiện *(nêu số liệu cụ thể và tính tỷ lệ % minh chứng*).

**2.** Việc phân công công chức tham mưu thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thanh niên tại cơ quan, đơn vị và địa phương *(thực hiện theo Thông tư số 04/2011/TT-BNV ngày 10/02/2011 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).*

**3.** Kết quả thực hiện cơ chế, chính sách đối với thanh niên theo Nghị định số 13/2021/NĐ-CP ngày 01/3/2021 của Chính phủ.

**4.** Kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong chiến lược phát triển thanh niên tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 – 2030 *(khi được Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành và triển khai thực hiện thì báo cáo)*; kết quả thực hiện chiến lược phát triển thanh niên giai đoạn 2021 – 2030.

**5.** Kết quả thực hiện chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong, thanh niên tình nguyện.

**6.** Việc triển khai, thu thập số liệu thống kê thanh niên.

**7.** Kiểm tra việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về thanh niên của ngành và của địa phương *(phụ lục II kèm theo)*.

**8.** Kết quả phối hợp công tác giữa Sở Nội vụ (Phòng Nội vụ) với Tỉnh Đoàn (Huyện Đoàn) và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thanh niên.

**III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**1. Ưu điểm**

**2. Những hạn chế và nguyên nhân của hạn chế**

**IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ**

**V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ** *(nếu có)*./.

**------------------------------**

**Phụ lục I**

**CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**1. Văn bản chỉ đạo về công tác quản lý nhà nước về thanh niên của các đơn vị.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số, ký hiệu** | **Ngày ban hành** | **Cơ quan ban hành** | **Trích yếu** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**2. Tham mưu ban hành (ban hành) và triển khai thực hiện các đề án, dự án và các văn bản có liên quan đến thanh niên từ đủ 16 đến 30 tuổi thuộc sở, ngành và địa phương quản lý**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số, ký hiệu** | **Ngày ban hành** | **Cơ quan ban hành** | **Trích yếu** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**Phụ lục II**

**KIỂM TRA CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THANH NIÊN**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Kiểm tra** | | **Đánh giá chung (Nêu mặt được, hạn chế và nguyên nhân)** |
| Số cuộc | Số đơn vị |
|  |  |  |
|  |  |
|  |  |